



KHÁI LUẬN VỀ LÝ HỌC TỔNG NHO

Dương Xuân Ngọc Hà, Nguyễn Việt Phương

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Nguyễn Việt Phương** < phuongdhkh@gmail.com >

(Ngày nhận bài: 01-03-2023; Ngày chấp nhận đăng: 24-04-2023)

Tóm tắt. Lý học Tống Nho (Lý học; Trình – Chu học phái; Chu Tử học; Tính – Lý học) là tên gọi một trào lưu Nho giáo Trung Quốc thời Tống (960-1279). Học giới Việt Nam vốn quen thuộc với Nho giáo Tiên Tần nên không ngạc nhiên khi Lý học đến nay hầu như chưa được nghiên cứu đáng kể. Đặt trong bối cảnh đó, với ý hướng cung cấp một nghiên cứu có tính dẫn nhập về Lý học Tống Nho, phần đầu của bài viết tập trung hệ thống hóa và diễn giải những phạm trù triết học nền tảng của trào lưu này như Lý – Khí, Tâm – Tính; phần thứ hai dành cho việc đánh giá sơ bộ về những đóng góp, hạn chế và ảnh hưởng lâu dài của Lý học với tính cách là một trong những tiền đề của tiến trình hiện đại hóa Nho học ở Trung Quốc.

Từ khóa: Nho giáo, Lý học, Lý – Khí, Tâm – Tính

AN OUTLINE OF SONG NEO-CONFUCIANISM

Dương Xuân Ngọc Hà, Nguyen Viet Phuong

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam,

*Correspondence to **Nguyen Viet Phuong** < phuongdhkh@gmail.com >

(Received: March 01, 2022; Accepted: April 24, 2023)

Abstract. Song Neo-Confucianism (Neo – Confucianism, The Cheng – Zhu school, Zhu Xi Study, Xing – Li Study) is the name of a movement of Chinese Confucianism during the Song Dynasty (960-1279). For Vietnamese scholars who are familiar with Classical Confucianism, it is not surprising that Neo-Confucianism has so far been hardly studied significantly. In this context, with the intention of providing an introductory study of Song Neo-Confucianism, the first part of the article focuses on systematizing and interpreting fundamental philosophical categories of this school such as Li – Qi and Xin – Xing; the second part is devoted to preliminary evaluating contributions, limitations and long-term historical influence of Neo-Confucianism as one of the premises of the later modernization of Confucianism in China.

Keywords: Confucianism, Song Neo – Confucianism, Li – Qi, Xin – Xing

I. Nhập đề

Nhìn về lịch sử hình thành và phát triển đầy thăng trầm của Nho giáo, giai đoạn tiên Tần luôn được mặc định là một điểm sáng mang tính quy phạm. Nho Khổng – Mạnh đóng vai trò then chốt trong truyền thống triết học của phái này. Tuy nhiên, nội dung và cách truyền thừa của nó trong một thời gian dài đã bị ngộ nhận thành một trào lưu chỉ chú trọng về những vấn đề về xã hội thế tục mà bỏ qua những tư tưởng giàu tinh thần triết học. Trong bối cảnh loạn lạc của xã hội Trung Quốc không chỉ diễn ra trong giai đoạn tiên Tần mà còn kéo dài mãi về sau, Nho giáo với tư cách là một học thuyết chủ trương đức trị bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các nhà Nho có xu hướng chuộng thơ phú mà bỏ qua kinh điển, thậm chí xa rời đạo thánh nhân, đảo lộn quy củ để nương theo những phong khí mới như nhàn đàm về Huyền học, thảo luận Phật giáo...

Trước tình hình ấy, giới Nho sĩ đã bắt đầu đặt ra nhiệm vụ nhận lĩnh việc phục hưng Nho học trong buổi thoái trào. Điều này tạo ra một quá trình chuyển biến sâu sắc trong nhân giới triết học của những người tông sự của Khổng trước đây. Quá trình đó đạt đến đỉnh điểm vào thời Tống – Minh với tên gọi Tân Nho giáo¹, nổi trội hơn cả là phái Lý học. Cụ thể, trong giai đoạn hậu Đường, những mầm mống đầu tiên của Tân Nho giáo bắt đầu được manh nha. Trước cảnh thoái trào của Nho học đương thời, Hàn Dũ (768-824) đã đề xướng chủ thuyết “Đạo thống” nhằm xác lập sự đích truyền của đạo Nho trong tiến trình lịch sử. Thừa tiếp lý luận này, Chu Hy (1130-1200) – người được xem là tập đại thành Lý học đã liệt phái của mình vào nguyên lưu đó khi “nối tiếp đạo thống đã thất truyền từ sau Mạnh Tử” [4, Tr. 1028]. Cũng trong thời Đường, Lý Ngao (?-khoảng 844) đã đề xuất “phục tính luận” chủ trương đưa con người trở về lại với tính của thánh nhân. Cách mà Lý học nối mạch “Đạo thống” cũng như phương pháp tu dưỡng thành thánh nhân được thể hiện qua những cặp phạm trù căn bản như: Lý – Khí và Tâm – Tính. Trong bài viết này, chúng tôi đã tập trung luận giải các cặp phạm trù căn bản của

¹ Tân Nho giáo (Đạo học) là danh xưng được giới học thuật dùng để chỉ một trào lưu của Nho giáo Trung Quốc từ thời nhà Tống trở về sau, bao gồm nhiều học phái khác nhau (Lý học, Tâm học, Tượng số học), trong đó nổi bật nhất là Lý học. Sự hình thành và phát triển của Lý học gắn liền với hai triều đại của Trung Quốc là Tống (960-1279) và Minh (1368-1644), nên học giới còn dùng một tên gọi khác là Lý học Tống – Minh. Tuy nhiên, các tài liệu nghiên cứu cho thấy, học phái này phát triển mạnh nhất vào thời Tống. Đó là lý do chủ yếu giải thích tại sao trong bài viết này, chúng tôi dành sự tập trung cho việc nghiên cứu về Lý học thời Tống (Lý học Tống Nho).

Lý học qua sự kiến giải của những đại biểu hàng đầu của học phái này là Chu Đôn Di (1017-1073), Trương Tái (1020-1077), Trình Hạo (1032-1085), Trình Di (1033-1108), và Chu Hy.

2. Lý – Khí: Cốt tủy của Lý học

Sự manh nha của Lý học có thể được tìm thấy từ thời Đường (618-907), tuy nhiên phải đến thời Tống, học phái này mới thực sự thành hình. Chu Đôn Di được xem là người đầu tiên đặt nền móng của Lý học với hai tác phẩm trứ danh: *Thái cực đồ* 太极图 và *Thái cực đồ thuyết* 太极图说. *Thái cực đồ* là một hình vẽ biểu thị sự vận động của đất trời và được giảng giải thông qua *Thái cực đồ thuyết*. Bằng cách vận dụng tư tưởng biến hóa trong *Kinh Dịch* xen lẫn những yếu tố Đạo gia, Chu Đôn Di đã thổi luồng gió mới vào Nho giáo và làm cho học thuyết này trở nên sống động. Theo ông, bản lai của vũ trụ chính là trạng thái “Vô cực tức Thái cực”, Thái cực sinh ra âm và dương, âm dương lại chuyển hóa thành ngũ hành, ngũ hành ngưng đọng với âm dương mà ra càn khôn (trời, đất), càn khôn lại tương tác với nhau mà hóa sinh vạn vật [8, Tr. 265].

Sự tranh cãi lớn nhất của các thế hệ nhà Nho sau này khi bàn về Chu Đôn Di đó chính là “dấu ấn” Đạo gia trong tư tưởng của ông. Trong hai tác phẩm kể trên, Chu Đôn Di cho rằng, Vô cực 无极 cũng chính là Thái cực 太极 (*Vô cực nhi Thái cực*). Từ một khái niệm vốn dĩ chỉ xuất hiện ở phái Lão – Trang, ông đã đưa Vô cực về làm một với Thái cực. Theo ông, Vô cực ở đây không phải theo tôn chỉ của Đạo gia từ Vô sinh ra Hữu, mà ý nghĩa của nó chính là không có hình dạng, nơi chốn. Do đó, nói “Vô cực nhi Thái cực” tức chỉ Thái cực vốn dĩ không có thù hình, phương hướng nhưng vẫn đóng vai trò là yếu tố tạo nên sự sinh thành, phát triển của vạn vật.

Tư tưởng của Chu Đôn Di đã gọi cho những nhà Nho theo phái Lý học về một đối tượng có khả năng chi phối đến sự sinh thành và phát triển của vũ trụ, đó là Thái cực – mang nội hàm rất gần với phạm trù Lý 理 trong học phái này. Thái cực với sự biến dịch mà thành lưỡng nghi, ngũ hành, rồi vạn vật. Quá trình cũng như kết quả của sự biến đổi thành ra vạn vật đó gọi là Khí 气.

Bằng việc giảng giải về nguồn gốc tạo hóa, Chu Đôn Di đã lồng ghép những yếu tố siêu hình với các giá trị luân thường, đạo lý. Đó là việc cho rằng vạn vật sinh ra đều được phú bẩm trong mình Thái cực. Đây là phong cách quen thuộc của Lý học về sau khi truy tầm điều nhân của con người trong những suy tư về bản thể, tức là mối liên hệ giữa trời và người, là sự phú bẩm Lý ở trong mỗi cá thể (Khí).

Kế thừa những tư tưởng trên của Chu Đôn Di, trong nội bộ Lý học đã phân hóa thành hai nhánh: (1) nhánh đề cao Lý (chủ Lý) của Trình Hạo và Trình Di (Nhị Trình), và (2) nhánh đề cao Khí (chủ Khí) của Trương Tải. Chu Hy là người đã tập đại thành hai nhánh trên.

Trình Hạo và Trình Di là những người cùng chia sẻ và đưa phạm trù Lý lên cảnh giới tối hậu. Trong kiến giải của Nhị Trình, “*Thiên giả, lý dã; thân giả, diệu vạn vật nhi ngôn giả dã*” [4, Tr. 946], tức Trời chính là Lý, thân là cái linh diệu của muôn vật. Nó “tĩnh lặng bất động, khi cảm được thì thông suốt” (寂然不动, 感而遂通) [8, Tr. 565]. Nói cách khác, Lý chính là bản nguyên của vạn vật, là cái hoàn bị, không chút khiếm khuyết, tồn tại mãi mãi ở khắp mọi nơi và không phụ thuộc vào bối cảnh của xã hội thế tục. Lý là một cảnh giới mang tính khách quan, thống nhất và bất di bất dịch. Đó là một thế giới vô hình nhưng chi phối vạn vật. Tất thảy quá trình sinh trưởng, tiêu vong đều dựa vào nó. Lý là cái giúp sự vật phân biệt nó với cái khác. Theo Nhị Trình, “Lý thì thiên hạ chỉ có một Lý” [4, Tr. 944].

Chịu ảnh hưởng từ giới thuyết của Chu Đôn Di về quá trình sinh triển của tạo hóa trong *Thái cực đồ*, Nhị Trình cũng thừa nhận Lý có trong mỗi sự vật hiện tượng, “mỗi vật tất phải có cái Lý” (一物须有一理) [8, Tr. 302]. Đó không phải là sự phân cắt Lý thành từng phần nhỏ, mà là tính thống nhất, đầy đủ của “nhất Lý” trong từng cá thể. Quá trình chuyển hóa “nhất – đa” đó về sau được Chu Hy cắt nghĩa bằng một ví dụ đầy hình tượng giống như chỉ có một mặt trăng nhưng ánh sáng của nó chiếu rọi khắp sông hồ, tùy nơi hiển hiện chứ không thể cho rằng mặt trăng bị phân cắt [8, Tr. 327]. Ở điểm này, Lý học đã tiếp thu tư tưởng triết học Hoa Nghiêm của Phật giáo. Kinh điển của Hoa Nghiêm lấy *Tánh không* (*Sūnyatā* – sự thật tối cao mà người ta hiểu được sau khi chứng ngộ) làm nền tảng. Pháp môn của Hoa Nghiêm tông chủ trương *Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại* (không có khoảng cách giữa thế giới trần tục và thế giới bản thể), trong đó Lý chính là thế giới bản thể (*Tánh không*) cho nên nó hoàn hảo, không chia cắt, sai biệt, còn *Sự* 事 là thế giới sự vật hiện tượng, được tông môn này quy về thành đồng nhất với Lý². Trình – Chu đã tiếp thu, vận dụng giáo thuyết trên để luận về phạm trù Lý của mình, nhưng theo đường hướng khác. Nếu như trường phái Đại thừa này chủ trương *Lý sự vô ngại* để truy tầm *niết bàn* thì Lý học của Trình – Chu lại dùng nó để kiếm tìm thế giới của Lý. Đây chính là dấu hiệu cho

² Một số đoạn kinh văn đề cập đến nội dung này như: “Trong một, hiểu vô lượng/Trong vô lượng, hiểu một/Hiểu hồ tương sinh khời/Sẽ thành vô số úy” [1, Tr. 267]; “Những thế giới rộng rãi/vô lượng và vô biên/biết nhiều thứ là một/biết một là nhiều thứ” [2, Tr. 73].

thấy sự thâm nạp có điều chỉnh những giáo lý Phật giáo Đại thừa vào nội dung của Lý học – một đặc điểm quan trọng của học phái này.

Khởi xướng nhánh “chủ Khí”, Trương Tải lập thuyết cho riêng mình một cách hệ thống và chặt chẽ xung quanh phạm trù Khí. Khí của ông chịu ảnh hưởng bởi *Kinh Dịch*. Thái cực trong câu *Thái cực sinh lưỡng nghi*, được ông xem là Khí ban đầu và gọi nó là Thái hòa 太和 (Thái hư 太虚). Trương Tải xem Khí này là nguyên nhân ban đầu của vũ trụ hàm chứa âm và dương ở bên trong. Ở trạng thái này của Khí (Thái hòa), vạn vật chưa được sinh thành, chỉ đến khi âm và dương trong nó tương tác lẫn nhau thì mới tạo nên cái Khí cụ thể (vạn vật). Trương Tải chủ trương nội dung **Khí hóa** để giải thích sự vận động của trời đất. Theo đó ban đầu Thái hòa cùng với âm dương ở bên trong sẽ tác động lẫn nhau để tụ lại thành một Khí cụ thể (Khí tụ). Sau khi tiêu vong, Khí cụ thể này sẽ trở về lại với Thái hòa (Khí tán). Ở điểm này, lập trường của Trương Tải phần nào mang tính duy vật.

Từ lập trường nhất nguyên luận, triết học của Trương Tải đề cao Khí bản thể. Quá trình tụ của Khí làm cho sự vật có những thuộc tính khác nhau, trong khi thiên hạ chỉ quy về đầu mối duy nhất là Thái hòa. Ông giải thích cho mâu thuẫn này rằng, sở dĩ muôn vật, muôn loài không có cái nào lấy làm giống nhau là do chúng được phú bẩm những thuộc tính khác nhau của Khí như nặng nhẹ, tốt xấu, nhanh chậm, mềm cứng... Xem Khí là bản nguyên của thế giới, tức đã đi ngược với truyền thống Lý học đề cao phạm trù tinh thần là Lý. Tuy nhiên, Trương Tải vẫn được xem là một đại biểu lớn của học phái này. Nguyên nhân là do nội dung Khí hóa của ông đã tạo tiền đề quan trọng cho các nhà Nho sau này diễn giải nội dung luân lý và những uẩn khúc trong bản chất tâm tính của con người.

Trên cơ sở Khí hóa, Trương Tải cho rằng, Khí cũng có tính của nó (Khí chất chi tính). Tính của Khí là khác nhau, bởi theo quá trình Khí hóa mà sự vật được bẩm những đặc tính trong đục, tốt xấu khác nhau của Khí³. Điều này giúp giải quyết những khúc mắc bấy lâu nay của Nho giáo khi cố gắng truy tìm bản chất của con người là thiện hay ác. Về điểm này, Chu Hy nhận xét: “Thuyết khí chất bắt nguồn từ Trương Tải, Nhị Trình, có công cực lớn với của thánh, có cái điển lập cho chỗ hậu học. Trước Trương Tải, Nhị Trình chưa ai đề xướng, nên khi thuyết này lập ra thì sở đắc của các nhà khác bị khử bỏ” (气质之说，起于张、程，极有功于圣门，有补于后学。前此未曾有人说到。故张、程之说立，则诸子之说泯矣) [8, Tr. 294].

³ Sau này, Chu Hy đã giải thích rõ hơn về tính của Khí chất rằng, “cái trong của Khí là Khí, cái đục của nó là chất” (气之清者为气，浊者为质) [8, Tr. 332].

Tiếp thu, kế thừa, phát triển tư tưởng của Nhị Trình và Trương Tải, Chu Hy là người có công lao đưa Lý – Khí trở thành một cặp phạm trù hoàn chỉnh. Giới thuyết của ông phân biệt một cách rõ ràng giữa chúng, trong đó Lý được xem là Thái cực, Đạo và nó thuộc phần hình nhi thượng, còn Khí là những sự vật cụ thể, được liệt vào phần hình nhi hạ. Nếu như Nhị Trình đề cập đến tính “nhất Lý” thì Chu Hy dùng tên gọi Thái cực để ám chỉ sự thống nhất, đầy đủ của thế giới Lý, “Thái cực có đủ Lý của ngũ hành và âm dương, chứ không phải là một vật rỗng không” (太极是五行阴阳之理皆有, 不是空的物事) [8, Tr. 325]. Nó là một thế giới “rộng lớn trong sạch và không có hình tích. Ở trong đó, Lý không có tình ý, không mưu tính, không tạo tác” (“无形形迹”之“净浩浩空阔阔的世世界”。理在其中, “无情意, 无计度, 无造作” [8, Tr. 328]. Đối với Khí, ông cho rằng khắp đất trời đều là Khí, thực thể này “co giãn, trôi chảy, xuôi ngược” [6, Tr. 355]. Về đại thể, Khí tạo nên người và vật, cho nên Khí của chúng tương thông, mạch lạc với nhau. Khí mà Chu Hy nêu vừa hữu hình vừa vô hình. Đây chính là sự tiếp nối học thuyết của Trương Tải về tiến trình Khí hóa.

Theo nhãn giới của Chu Hy, Khí có một vị trí rất quan trọng trong Lý học. Khí hợp với Lý tạo thành cặp phạm trù tương liên chặt chẽ đến nỗi đôi lúc khiến ông được nhìn nhận như là một nhà triết học có thiên hướng nhị nguyên. Khi giảng về Lý – Khí, lúc thì ông cho rằng Lý có trước, Khí có sau, “có lý đúng thì có khí đúng, nhưng lý là gốc, mà nay thì lại từ lý để nói khí” [5, Tr. 326], lúc ông lại khẳng định “Lý chưa từng tách ra khỏi khí” [5, Tr. 326]. Đây chính là tính nhị nguyên trong học thuật của Chu Hy. Dù rằng, xét đến cùng, việc bất khả phân li giữa Lý – Khí cũng là duy tâm, nhưng việc thừa nhận cả hai như trường hợp của Chu Hy lại cho ta thấy cách ông dung hòa hai luồng tư tưởng của Nhị Trình và Trương Tải. Nhìn ở một khía cạnh khác, Chu Hy lại cho rằng Khí có trước, Lý có sau “nếu bàn về bản sinh phú cho thì có khí sau mới có lý, cho nên có khí thì có lý, đã không phải khí thì không phải lý” [5, Tr. 329]. Đây chính là khi Chu Hy đề cập đến lý luận nhận thức của mình. Lý học rất tôn sùng tác phẩm *Đại học*, trong đó có đề cập đến mệnh đề “trí tri tại cách vật” (致知在格物), việc cho rằng Khí có trước Lý chính là giải thích nội dung đó trong *Đại học*. Để hiểu biết cận kề (cùng Lý) đòi hỏi người ta phải chính tâm, thành ý để tìm hiểu, phân tích sự vật (Khí) một cách từ từ, cận kề từng bộ phận mới đi đến được nhận thức Lý bên trong sự vật đó. Quan điểm này đã đánh dấu đặc điểm duy lý mạnh mẽ trong triết học của ông. Vào thời Bắc Tống, Tô Đông Pha (1037-1101) từng nói: “Đối với núi non, cây cối, nước cuộn, mây trôi tuy không có cái hình tích thường hằng, nhưng lại có Lý thường của chúng” (至于山石竹木, 水波烟云, 虽无常形, 而有常理) [9, Tr. 230]. Theo quan

điểm của các học giả đương thời, để nhận thức bản chất sự vật cần phải có tư duy khái quát hóa từ những cái cụ thể. Điều này ứng tương đối rõ trong quan điểm Khí có trước Lý của Chu Hy.

3. Tâm – Tính: Mối liên hệ giữa trời và người

Việc Chu Hy biểu hiện tính nhị nguyên khi thừa nhận cả Lý lẫn Khí đã đưa đến một hệ quả đó là dung nạp cả lý luận về Tính của Lý (Thiên địa chi Tính) của Nhị Trình và Tính của Khí (Khí chất chi Tính) của Trương Tải. Vậy thì do đâu mà Lý học lại tìm sâu vào phạm trù Tính (性)?

Về mặt lịch sử, những luận bàn về Tính đã sớm xuất hiện trong Nho giáo thời tiên Tần, chủ yếu dùng để chỉ bản tính của người và vật, đặc biệt là bản tính của con người (“Tính tương cận”, “Tính thiện”, “Tính ác”, “Tính hỗn tạp”, “Tính tam phẩm”...). Tuy nhiên, đến Lý học thì Tính được nhìn nhận, phân tích một cách thấu đáo hơn.

Trong quan niệm của Lý học, Tính được chia thành *Thiên địa chi Tính* (Tính Lý) và *Khí chất chi Tính* (Tính Khí). Nhưng Lý, như giải thích của Chu Hy, là thế giới khách quan “không tình ý”, nên không thể dùng kinh nghiệm thông thường để nhận thức bản chất của nó. Đã là Thiên Lý thì mặc nhiên nó mang tính thiện, tiên thiên. Kỳ thực, Tính Lý mà Lý học chủ trương chính là đề cập đến cái cụ thể chứ không mang tính phổ quát như Lý. Nói cách khác, Lý do có đầy đủ trong vạn vật, cái Lý tồn tại trong vạn vật đó được gọi là Tính. Tính tức Lý. Trình Hạo nói: “Khi ta nói về tính thì cái Tính ấy không phải là Tính ban đầu nữa” (说性时，便已不是性) [8, Tr. 310]. Gọi là Tính ban đầu tức là cái Lý ở bên ngoài, bao quát hết thảy, còn Tính được nói đến là cái Lý được cụ thể hóa trong nội tâm của từng cá nhân, cái “nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là Tính vậy” (仁、义、礼、智，性也) [8, Tr. 339].

Đối với Tính của Khí, phải thấy rằng Khí được phân biệt theo nhiều loại khác nhau như trong – đục, tốt – xấu, nặng – nhẹ. Do đó, Tính của Khí cũng theo đó mà bộc lộ ra. Con người trong quan niệm của Lý học là một thực thể thống nhất giữa Tính Lý và Khí. Tính của Khí “không phải bản tính của con người” [4, Tr. 938]. Cho nên “khi ta nói về tính thì cái tính ấy không phải là cái tính ban đầu” mà chỉ là tính sau khi đã hòa vào Khí. Lý học cho rằng nếu con người hấp thụ được cái Khí nhẹ, hòa cùng với cái Lý chí thiện thì theo đó bản tính con người sẽ thiện, “bẩm Khí thanh giả vi hiền” [4, Tr. 1049]. Ngược lại, nếu bẩm phải khí nặng, vẫn đục thì tính người theo đó sẽ ác. Điều này được ví như quy luật nước chảy, nó có thể đổ về biển lớn mà không ngưng trệ, vẫn đục hoặc cũng có thể về nơi ao tù nước đọng mà mất đi cái tính chất ban đầu của mình. Tính mà Lý học công nhận là Thiên địa chi Tính. Tuy nhiên, tùy theo việc phú bẩm Khí nên bộc lộ Tính khác nhau. Từ cách hiểu này, các đại biểu của Lý học đã chủ trương

một lối sống thủ tiết, bảo tồn Thiên Lý và diệt nhân dục. Chỉ có như vậy mới quay lại được với bản tính tự nhiên vốn có của trời đất.

Lý nếu ở bên ngoài con người thì nó chỉ là cái vô tình, nhưng khi có đủ trong con người thì nó là Tính Lý, có cả “nhân, lễ, nghĩa, trí” trong đó. Nhưng điều gì để khiến người ta biết đó là “nhân, lễ, nghĩa, trí” trong khi nguồn gốc của Tính vốn là Lý – một phạm trù mang đặc điểm “không tình ý”? Lý học cho rằng, phần tĩnh của Tính tức là “nhân, lễ, nghĩa, trí” là không thể nhận biết. Chỉ khi Tính động mới biểu lộ ra được bản chất đạo đức của nó. Cái (trạng thái) động của Tính được gọi là Tình情. Lúc này Tình sẽ biểu thị thành Tứ đoan⁴: “Duy chi có tình là có thể thấy được: Trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thi phi” (惟情乃可得而见, 惻隐、羞恶、辞让、是非, 是) [8, Tr. 339].

Điều đáng lưu tâm hơn ở đây đó là việc các đại biểu của Lý học (điển hình là Chu Hy) đã phân tích sự biến hóa đầy tinh tế của một phạm trù đậm chất siêu hình nhưng lại hàm chứa trong đó những yếu tố đạo lý luân thường. Từ Lý bên ngoài đến lúc phú bẩm bên trong thành Tính, Tính tức Lý nên nó vô tình, chỉ khi Tính động mới biểu thị ra các khuynh hướng đạo đức. Trong quá trình đó, Lý học đã chủ trương nói về Tâm心.

Tâm tức chỉ tâm lý, tinh thần của con người. Lý học dùng Tâm để dung chứa Tính, Tình của con người qua mệnh đề của Trương Tải: “Tâm thống lĩnh Tính và Tình” (*Tâm thống Tính, Tình*) [4, Tr. 931]. Mổ xẻ cấu trúc của Tâm, Lý học cho rằng có bao hàm cả Lý và Khí. Tâm được tạo nên từ Khí và được phú bẩm Lý trong nó (Tính). Điều này cũng kéo theo một nhận định đó là tinh thần con người cũng được cấu tạo nên bởi Khí. Đó chính là một sự liên hệ rõ nét với học thuyết Tính Khí của Lý học, khi Khí có nhiều loại và cấu thành nên nhiều Tâm khác nhau. Chỉ khi nào làm sáng tỏ cái Tính ở trong Tâm thì mới quay trở về với trạng thái bản nhiên sẵn có của trời đất.

Tâm thống Tính, Tình tức có nghĩa Tâm kiêm và làm chủ cả hai mặt này. Trong đó, “Tính là Lý vốn có của Tâm, Tâm là nơi gặp gỡ của Lý” [4, Tr. 1053]. Mệnh đề này tựa như có mâu thuẫn bởi lẽ Lý, Tính là cái cao nhất, đứng ngoài vạn vật thì Tâm làm sao có thể thống lĩnh được? Thực chất Tâm trong Lý học chỉ đóng khung trong hoạt động nhận thức tư duy của con

⁴ Tứ đoan là bốn đầu mối của tính thiện mà Mạnh Tử đề xuất. Ở đây, Lý học đã cho thấy sự kế thừa học thuyết về bản tính con người của Nho giáo tiên Tần.

người. Nói nó là cái tối cao để hàm ý việc có thể nuôi dưỡng, giữ vững tính thiện trong con người, chứ không phải Tâm theo nghĩa là bản nguyên của vũ trụ như phái Tâm học chủ trương (Tâm tức Lý)⁵ bởi nếu nói Tâm tức Lý thì không khác nào khẳng định bản chất con người là xấu xa độc ác do trộn lẫn giữa Tính và Khí ở trong Tâm vậy. Chu Hy cho rằng “Tâm, là chủ của thân” [4, Tr. 1052], Lý ở bên trong Tâm gọi là Tính Lý, Thiên Lý hay còn gọi là Đạo Tâm. Tuy nhiên Tâm hay nói rộng ra là thân thể con người do Khí cấu thành nên tạp nhiễm, không đôn chính, tức là Nhân Tâm, Nhân dục. Lý học chủ trương tôn Thiên Lý, diệt Nhân dục để trở về với bản tính chân thật, không hư vọng của con người. Muốn làm được điều đó, phái này chủ trương phương pháp “tiên tri, hậu hành” trên tinh thần của cuốn *Đại học*. Cụ thể Trình – Chu rất đề cao hai nội dung đầu tiên trong Bát mục của *Đại học* đó là “Cách vật, trí tri”. Chu Hy nói ““Đại học” dạy người, trước tiên cần hiểu được đạo lý” [4, Tr. 1061], “ba câu đầu tiên của sách “Đại học” là một hệ thống toàn thể, chỗ dùng sức đó chỉ ở tại trí tri, cách vật” [4, Tr. 1062]. Theo Chu Hy, để làm người quân tử đầu tiên cần hiểu được đạo lý (tiên tri). *Đại học* là sách dạy làm người quân tử. Để đạt tới mẫu người này, tác phẩm này nêu lên ba cương lĩnh (Tam cương) quan trọng phải làm (“ba câu đầu tiên”), đó là *minh đức, tân dân* và *chí thiện*. Giữa việc nhìn nhận vị trí của việc hiểu đạo lý và thực hành Tam cương, thì Lý học đề cao việc **tri** và đòi hỏi phải thủ đắc nó trước khi **hành** (tiên tri hậu hành).

4. Lý học và sự phát triển của Nho giáo

Thứ nhất, Lý học đã bổ sung, phát triển nội dung bản thể luận Nho giáo, từ đó góp phần đưa học thuyết này lên địa vị hệ tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc. Sự xuất hiện và tái lập những phạm trù mang tính bản thể cũng như cài cắm vào đó những yếu tố đạo đức một cách khéo léo của Lý học đã giúp Nho giáo tìm lại đúng chỗ đứng của mình trong lịch sử Trung Quốc⁶.

Thứ hai, Lý học là chiếc cầu nối lại đạo thống Nho giáo. Với việc xác lập hệ thống triết học của mình, Lý học đã tạo cho đạo Nho một dáng vẻ quyền uy hơn hẳn cái “*hình thức tông giáo*” [3, Tr. 484] thời Hán. Các đại biểu của Lý học tự nhận lĩnh cho mình trách nhiệm khôi lại

⁵ Lục Cửu Uyên (1139-1193) và Vương Dương Minh (1472-1529) đã lập ra một trường phái mới trong Tân Nho giáo gọi là Tâm học (Tâm học Lục – Vương) để đả phá Lý học Trình – Chu trên nhiều phương diện. Đối với Tâm – Tính, Nếu như Lý học chủ trương “Tính tức Lý” thì Tâm học lại cho rằng “Tâm tức Lý” nhằm khẳng định Tâm là bản nguyên của vũ trụ.

⁶ Xin tham khảo chương “Lý học và Phật giáo” trong Nguyễn Lang (2019), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập II, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

nguyên lưu, nối lại truyền thừa của Nho giáo vốn đã bị đứt quãng nghiêm trọng trong lịch sử phong kiến Trung Quốc. Các triều đại từ Lương Hán đến Lương Tống sau này đã trải qua cảnh chiến tranh loạn lạc liên miên, Nho giáo dần theo đó mà bị ảnh hưởng, không còn được chú trọng. Kế thừa nội dung của Nho giáo tiên Tần cùng với tiếp thu tư tưởng của Phật, Đạo, các đại biểu của Lý học đã tìm đường về với Khổng – Mạnh bằng truyền thống “dĩ thuật vi tác”⁷. Địa vị của Trình – Chu trở nên quan trọng hàng đầu trong lịch sử Nho giáo, không hề kém cạnh so với Khổng – Mạnh. Lý học dần dần mang tính chất quan phương, hơn hẳn đối trọng của nó là phái Tâm học Lục – Vương sau này.

Để vươn lên vị trí quan phương, bản thân Lý học cũng có một đóng góp quan trọng nữa đó chính là định hình rõ nét kinh điển của mình. Kinh điển của Nho gia có thể gói gọn trong *Tứ thư* và *Ngũ kinh*, tuy nhiên tên gọi này thực sự ra đời là nhờ công của Chu Hy trong việc tìm kiếm, phân tách, tập chú các sách *Đại Học*, *Trung Dung*, *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử* để cùng vị thế với *Ngũ kinh*. Nhờ vào hệ thống kinh điển trên cùng với những trứ thuật khác như *Minh Đạo gia huấn*, *Chu Tử gia huấn* mà Lý học trở thành hệ thống quan học của xã hội. Việc thi cử về sau đều áp dụng kinh văn mà phái này đã có công hoàn thiện.

Tuy nhiên, Lý học cũng có vài điểm cần nhìn nhận lại. Các đại biểu của phái này chủ trương biết đến tận cùng Lý để hành đạo, muốn cùng Lý phải có tư duy thấu nạp, nhận thức từng cái một, từ bộ phận tới toàn thể. Điều này quá nhiều đường khắc khổ, cộng thêm việc chi li, tỉ mỉ tới mức thủ cựu, cứng rắn về các hành vi đạo đức. Đặc điểm đó, một mặt, làm cho điển tịch Nho gia ngày càng được hệ thống hóa, đạo của thánh nhân từ đó mà càng được tôn nghiêm, hệ thống tri thức của phái này trở thành quan học của xã hội, song mặt khác, lại tạo ra sự gò bó bởi khuôn phép. Vị trí, thân phận của con người theo cái đà ấy bị dồn nén bởi vấn đề nan giải đó là đi tìm sự tự do trong danh giáo, chế định. Cho nên “mấy nghìn năm qua, thảm họa đầu độc của tam cương ngũ thường chính là bi kịch vô cùng đó” (则数千年来三纲五伦之惨祸烈毒，由是酷焉矣) [9, Tr. 253].

Bước sang thời cận – hiện đại, khi chủ nghĩa Mác và các trào lưu tư tưởng phương Tây được du nhập vào Trung Quốc đang mạnh mẽ “sóng sau xô sóng trước” thì Lý học với tính cách là truyền thống tư tưởng mang tính bản địa không phải cứ thế trôi vào quá vãng mà từng “làm

⁷ Khổng Tử dùng *phương pháp thuật cổ* để lập thuyết. Các đại biểu của Nho giáo đời sau cũng tương tự, một mặt, thuật lời Khổng Tử, mặt khác xây dựng lý thuyết riêng cho mình.

mới” mình bằng bước chuyển thành Tân Lý học nhờ vào những trước tác triết học vô cùng giá trị của Phùng Hữu Lan⁸. Triết gia họ Phùng đã gạn lọc sở đắc của phái này trong tình cảnh mới để xây dựng một mẫu người có thể “tiến đến cõi hư vô bao la”⁹, tạo tiền quan trọng cho sự hưng khởi của phong khí *Quốc học* (国学) ở Trung Quốc.

Tóm lại, nội dung mà Lý học chủ trương vừa hướng vào giải quyết các vấn đề trong bối cảnh xã hội Trung Quốc đương thời, vừa phân nào nối tiếp diễn trình nhiều thăng trầm của Nho gia từ truyền thống tư tưởng mang tính điển phạm (giai đoạn tiên Tần) thành phong cách huấn hõ, chú số, nghĩa lý, tu chính, phê bình (giai đoạn phong kiến) đến tâm thế bài – bái tư tưởng và khoa học phương Tây (Tân Nho hiện đại) nhằm truy tầm một chỗ đứng vững vàng trong dòng chảy triết học Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Tịnh Hạnh, (2000), *Đại tạng kinh – tập 38: Bộ Hoa Nghiêm III*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn, Đà Bắc.
2. Thích Tịnh Hạnh, (2000), *Đại tạng kinh – tập 39: Bộ Hoa Nghiêm IV*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn, Đà Bắc.
3. Trần Trọng Kim, (2017), *Nho giáo*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Nguyễn Tôn Nhan, (2005), *Nho giáo Trung Quốc*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Trương Lập Văn, (1998), *Lý: Triết học phương Đông*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Trương Lập Văn, (2000), *Khí: Triết học phương Đông*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Youlan. F, (2001), *三松堂全集 (第五卷): 新原道*, 河南人民出版社, 河南.

⁸ Phùng Hữu Lan 冯友兰 (1895-1990) – học giả, nhà triết học Trung Quốc nổi tiếng, người đóng vai trò quan trọng đối với sự chuyển biến từ Lý học sang Tân Lý học trong trào lưu Tân Nho giáo hiện đại. Danh tiếng của Phùng Hữu Lan không chỉ gắn liền với bộ ba tác phẩm lịch sử triết học Trung Quốc (*Trung Quốc triết học sử; Trung Quốc triết học giản sử; Trung Quốc triết học sử tân biên*), mà còn với những trước tác đặc chất triết học, tiêu biểu là bộ *Trình nguyên lục thư*. Theo đánh giá của giới học thuật Trung Quốc, bằng *Trình nguyên lục thư*, Phùng Hữu Lan đã đưa Tân Lý học “trở thành một hệ thống triết học gây được tiếng vang tương đối và được thế giới thừa nhận là một triết gia Trung Quốc hiện đại” (成为真正以自己的哲学体系获得了比较广泛声望,为世界公认的中国现代哲学家) [10, Tr. 291].

⁹ Xem thêm chương “Tân thống (新统) – Hệ thống triết học mới” của Phùng Hữu Lan [7, Tr. 123–138].

8. Youlan. F, (2001), *三松堂全集: 中国哲学史 (下)*, 河南人民出版社, 河南.
9. Zhehou. L, (1985), *中国古代思想史论*, 人民出版社, 北京.
10. Zhehou. L, (1987), *中国现代思想史论*, 东方出版社, 北京.